

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2025/HS-ST
Ngày 06 - 9 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Mẫn Xuyên;

Ông Nguyễn Văn Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Yên Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2025/TLST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Trần Ngọc S, sinh ngày 10 tháng 5 năm 2002; nơi sinh: Huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là thành phố Cần Thơ); nơi cư trú: ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là: ấp M, xã P, thành phố Cần Thơ); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H (chết), và bà Nguyễn Ngọc L; có vợ là Ông Thị Tường V, và 01 người con (sinh năm 2024); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 09/8/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xử phạt 08 tháng cải tạo không giam giữ về Tội tiêu thụ tại sản do người khác phạm tội mà có, tại bản án hình sự sơ thẩm số 32/2019/HS-ST, khi phạm tội là người chưa thành niên nên được coi là không có án tích; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01 tháng 4 năm 2025 cho đến nay. Có mặt.

2. Nguyễn Quốc S1, sinh ngày 03 tháng 02 năm 2004; nơi sinh: Huyện K, tỉnh Sóc Trăng (nay là thành phố Cần Thơ); nơi cư trú: ấp G, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (nay là: ấp G, xã Đ, thành phố Cần Thơ); nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, và bà Lê Thị Thanh T1; bị cáo chưa có

vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo chưa từng có tiền án, tiền sự, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09 tháng 4 năm 2025 cho đến nay. Có mặt.

- *Bị hại:* Nguyễn Thị S2, sinh năm 1957

Địa chỉ: ấp H, thị trấn K, huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là xã H, thành phố Cần Thơ). Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Lê Thị Thanh T1, sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp G, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (nay là: ấp G, xã Đ, thành phố Cần Thơ). Có mặt.

2. Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1996

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là xã H, thành phố Cần Thơ). Có mặt.

3. Trương Trung T2, sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp M, thị trấn C, huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là xã H, thành phố Cần Thơ). Vắng mặt.

4. Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là xã P, thành phố Cần Thơ). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 29 tháng 3 năm 2025, Trần Ngọc S điều khiển mô tô biển kiểm soát 95E1 - 153.71, chở Nguyễn Quốc S1 đi đến khu vực ấp H, thị trấn K, huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là xã H, thành phố Cần Thơ) thì phát hiện bà Nguyễn Thị S2 đang nằm võng ở quán nước trước nhà và đang sử dụng điện thoại di động. Sự kêu S điều khiển xe quay lại giật điện thoại bán lấy tiền tiêu xài, S đồng ý và điều khiển xe mô tô quay lại cách nơi bà S2 nằm võng khoảng 05m thì S1 xuống xe đi bộ, S điều khiển chạy chậm theo sau. S1 đi bộ đến chỗ bà S2 nằm, dùng hai tay giật lấy điện thoại trên tay bà S2 rồi nhanh chóng chạy ra xe do S điều khiển chạy thoát. Sau khi giật được tài sản, S chở S1 về nhà Nguyễn Ngọc K1 tại ấp H, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là xã H, thành phố Cần Thơ) chơi, tại đây S1 đưa cho S 400.000 đồng, còn điện thoại S1 để lại sử dụng.

Đến ngày 04 tháng 4 năm 2025, S1 đem điện thoại đến cửa hàng điện thoại di động Trung Thương tại ấp M, thị trấn C, huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là xã H, thành phố Cần Thơ) cầm cho ông Trương Trung T2 với giá 1.900.000

đồng rồi tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 09 tháng 4 năm 2025, S1 đến Công an thị trấn K (nay là Công an xã H) đầu thú về hành vi phạm tội.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS ngày 25/4/2025 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang kết luận giá trị 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y19S-128, màu bạc mua mới vào năm 2024 có giá là 1.733.000 đồng.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm có: 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y19S, màu bạc, đã qua sử dụng; 01 xe mô tô loại wave RS, màu đỏ đen, biển kiểm soát 95E1-153.71 đã qua sử dụng; 01 áo thể thao màu đen, tay dài, vai áo có sọc màu đỏ, đã qua sử dụng; 01 quần tây dài màu đen, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Honor, màu xanh ngọc, đã qua sử dụng; 01 nón bảo hiểm màu trắng, đã qua sử dụng; 02 chiếc dép lười màu trắng, đã qua sử dụng; 01 áo thun tay ngắn, bầu và tay áo có sọc màu nâu, đã qua sử dụng; 01 quần jean dài màu xanh, đã qua sử dụng; 02 chiếc dép quai ngang, trên quai dép có sọc trắng đỏ đen, đã qua sử dụng; 01 biên lai cầm cố tài sản tại cửa hàng Đ.

Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng như sau:

Trả lại cho bà Nguyễn Thị S2 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y19S, màu bạc, đã qua sử dụng.

Chuyển đến Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 – Cần Thơ: 01 xe mô tô loại wave, biển kiểm soát 95E1 - 153.71 đã qua sử dụng; 01 áo thể thao màu đen, tay dài, vai áo có sọc màu đỏ, đã qua sử dụng; 01 quần tây dài màu đen, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Honor, màu xanh ngọc, đã qua sử dụng; 01 nón bảo hiểm màu trắng, đã qua sử dụng; 02 chiếc dép lười màu trắng, đã qua sử dụng; 01 áo thun tay ngắn, bầu và tay áo có sọc màu nâu, đã qua sử dụng; 01 quần jean dài màu xanh, đã qua sử dụng; 02 chiếc dép quai ngang, sọc trắng đỏ đen, đã qua sử dụng.

Lưu vào hồ sơ vụ án 01 Hợp đồng cầm cố tài sản lập ngày 04 tháng 4 năm 2025.

Về trách nhiệm dân sự: bà Lê Thị Thanh T1 (mẹ ruột của S1) đã trả lại cho Trương Trung T2 (chủ tiệm cầm đồ) số tiền là 1.900.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 03/CT-VKS-KV13 ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 - Cần Thơ, đã truy tố các bị cáo Trần Ngọc S và Nguyễn Quốc S1 về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo Cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất, mức độ phạm tội; nhân thân; các tình giảm nhẹ đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Ngọc S và Nguyễn Quốc S1 phạm tội “Cướp giật tài sản”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 171, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt các bị cáo Trần Ngọc S và Nguyễn Quốc S1, mỗi bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù.

3. Về trách nhiệm dân sự: Đã giao trả tài sản cho bị hại; gia đình bị cáo Nguyễn Quốc S1 đã bồi thường cho ông Trương Trung T2 xong nên đề nghị không đặt ra xem xét.

4. Về xử lý vật chứng:

Giao trả cho: Bà Nguyễn Ngọc L 01 xe mô tô loại wave, biển kiểm soát 95E1 - 153.71 đã qua sử dụng; bị cáo Trần Ngọc S 01 điện thoại di động nhãn hiệu Honor, màu xanh ngọc, đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy: 01 quần tây dài màu đen, đã qua sử dụng; 02 chiếc dép lười màu trắng, đã qua sử dụng; 01 áo thun tay ngắn, màu và tay áo có sọc màu nâu, đã qua sử dụng; 01 quần jean dài màu xanh, đã qua sử dụng; 02 chiếc dép quai ngang, sọc trắng đỏ đen, đã qua sử dụng.

Tiếp tục lưu giữ hồ sơ vụ án 01 Hợp đồng cầm cố tài sản lập ngày 04 tháng 4 năm 2025.

- Các bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, bà Nguyễn Ngọc L yêu cầu nhận lại chiếc xe mô tô loại Wave, biển số kiểm soát: 95E1-153.71; bà Lê Thị Thanh T1 không yêu cầu bị cáo S1 trả lại số tiền bà đã bồi thường cho ông Trương Trung T2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Trương Trung T2 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Nhưng

bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường; ông Trương Trung T2 đã được gia đình bị cáo S1 trả lại toàn bộ số tiền cầm đồ và không yêu cầu thêm nên việc vắng mặt của bị hại và đương sự này không gây trở ngại cho việc xét xử, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại và đương sự này theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời thừa nhận của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án. Từ đó, đã có cơ sở kết luận:

Vào ngày 29 tháng 3 năm 2025, sau khi phát hiện bị hại Nguyễn Thị S2 đang nằm võng và đang sử dụng điện thoại di động, bị cáo Nguyễn Quốc S1 kêu bị cáo Trần Ngọc S điều khiển mô tô biển kiểm soát 95E1 - 153.71 quay lại để giật điện thoại của bị hại bán lấy tiền tiêu xài. Bị cáo S điều khiển xe quay lại cách bị hại khoảng 05m thì bị cáo S1 xuống xe đi đến chỗ bị hại, dùng hai tay giật lấy điện thoại trên tay bị hại rồi nhanh chóng chạy ra xe do bị cáo S điều khiển chạy thoát. Sau khi giật được tài sản, bị cáo S1 đưa cho bị cáo S số tiền 400.000 đồng. Đối với tài sản chiếm đoạt được, bị cáo S1 quản lý cho đến ngày 04 tháng 4 năm 2025 đem đến cửa hàng điện thoại di động T cầm cho ông Trương Trung T2 với giá 1.900.000 đồng rồi tiêu xài cá nhân hết.

Hành vi trên của các bị cáo là lợi dụng sự thiếu cảnh giác của bị hại trong việc trông giữ tài sản, nhanh chóng ra tay chiếm đoạt tài sản một cách công khai rồi nhanh chóng tẩu thoát; cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; chiếm đoạt tài sản trị giá 1.733.000 đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo: Khi phát hiện bị hại đang nằm võng, trên tay đang cầm điện thoại di động, các bị cáo liền nảy sinh ý định chiếm đoạt rồi lập tức điều khiển xe mô tô quay lại, tìm cách tiếp cận, giật lấy tài sản rồi nhanh chóng tẩu thoát. Các bị cáo cùng phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng; có tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ, trong đó: Bị cáo S1 khi phát hiện bị hại đang sử dụng điện thoại di động liền kêu bị cáo S điều khiển mô tô quay lại nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại, khi quay lại gần chỗ bị hại thì bị cáo xuống xe đi bộ tiếp cận bị hại và giật lấy điện thoại của bị hại rồi nhanh chóng ra xe bị cáo S điều khiển tẩu thoát; bị cáo S khi được bị cáo S1 đề xuất quay lại giật tài sản của bị hại thì lập tức hưởng ứng rồi điều khiển xe mô tô chở bị cáo S1 quay lại nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại, sau khi bị cáo S1 chiếm đoạt được tài sản thì điều khiển xe mô tô chở bị cáo S1 nhanh chóng tẩu thoát. Do đó, các bị cáo đều thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người thực hành, trong đó: Bị cáo S1 là người chủ động đề xuất thực hiện hành

vi phạm tội, đồng thời là người thực hành trực tiếp và quản lý tài sản chiếm đoạt nên vai trò đồng phạm của bị cáo S1 cao hơn bị cáo S với mức độ không đáng kể.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo S đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có thân nhân là người có công với cách mạng nên cho bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo S1 thành khẩn khai báo; gia đình bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho ông Trương Trung T2, nhưng không có sự tác động của bị cáo; sau khi bị phát hiện phạm tội đã tự nguyện ra trình diện và khai báo về hành vi phạm tội của mình (thuộc trường hợp Đầu thú) nên cho bị cáo hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[7] Từ những phân tích về tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ cũng như nhân thân của bị cáo; xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, ảnh hưởng tiêu cực đến an ninh, trật tự tại địa phương nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục các bị cáo. Trong đó: Tuy bị cáo S1 có vai trò phạm tội cao hơn, nhưng với mức độ không đáng kể; bị cáo S có nhân thân xấu, trong khi bị cáo S1 là người có nhân thân tốt; bị cáo S1 được hưởng nhiều hơn bị cáo S 01 tình tiết giảm nhẹ. Do đó, cần áp dụng hình phạt đối với bị cáo S cao hơn không đáng kể so với bị cáo S1.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được trao trả tài sản bị chiếm đoạt xong và không có yêu cầu bồi thường; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Trương Trung T2 đã được trả lại số tiền đã cầm cố tài sản do các bị cáo phạm tội mà có, với số tiền là 1.900.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô loại wave, biển kiểm soát 95E1 - 153.71 đã qua sử dụng là phương tiện các bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, đây là tài sản của ông Nguyễn Văn H1 (đã chết), do bà Nguyễn Ngọc L (là vợ ông H1) quản lý hợp pháp, bà Nguyễn Ngọc L không biết, không có lỗi trong việc các bị cáo sử dụng chiếc xe này làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên cần giao trả lại cho bà Nguyễn Ngọc L. Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Honor, màu xanh ngọc, đã qua sử dụng là tài sản của bị cáo S, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần giao trả lại cho bị cáo.

Đối với các vật chứng khác gồm: 01 quần tây dài màu đen, đã qua sử dụng; 02 chiếc dép lười màu trắng, đã qua sử dụng; 01 áo thun tay ngắn, bầu và tay áo có sọc màu nâu, đã qua sử dụng; 01 quần jean dài màu xanh, đã qua sử dụng; 02 chiếc dép quai ngang, sọc trắng đỏ đen, đã qua sử dụng là những tài sản, vật dụng cá nhân của bị cáo Trần Ngọc S, không liên quan đến hành vi phạm tội, nhưng bị cáo không yêu cầu nhận lại các tài sản này, đồng thời các tài sản này không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Về các vấn đề khác:

Đối với ông Trương Trung T2, khi nhận cầm đồ từ bị cáo S1, ông T2 không biết tài sản bị cáo S1 cầm đồ cho ông là do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không xem xét trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

Đối với lời khai của anh Nguyễn Hoàng K cho rằng có tổ chức sử dụng ma túy cùng với các bị cáo. Tòa án đã trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung có hay không hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của anh Nguyễn Hoàng K và các bị cáo, nhưng cơ quan điều tra không chứng minh được, Viện kiểm sát không truy tố. Do giới hạn của việc xét xử, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự, chỉ xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố.

Đối với số tiền 400.000 đồng bị cáo S1 chia lợi bất chính cho bị cáo S cần buộc bị cáo S giao nộp số tiền này nộp Ngân sách Nhà nước.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Ngọc S và Nguyễn Quốc S1 phạm tội “Cướp giật tài sản”.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 171, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017);

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2025. Buộc bị cáo giao nộp số tiền thu lợi bất chính là 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) nộp Ngân sách nhà nước;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc S1 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày 09 tháng 4 năm 2025.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

4. Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Giao trả cho: Bà Nguyễn Ngọc L 01 chiếc xe mô tô loại wave, biển kiểm soát 95E1 - 153.71 đã qua sử dụng; bị cáo Trần Ngọc S 01 điện thoại di động nhãn hiệu Honor, màu xanh ngọc, đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy: 01 quần tây dài màu đen, đã qua sử dụng; 02 chiếc dép lười màu trắng, đã qua sử dụng; 01 áo thun tay ngắn, màu trắng và tay áo có sọc màu nâu, đã qua sử dụng; 01 quần jean dài màu xanh, đã qua sử dụng; 02 chiếc dép quai ngang, sọc trắng đỏ đen, đã qua sử dụng.

Các vật chứng trên đã được chuyển giao cho Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 13 - Cần Thơ theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28 tháng 7 năm 2025.

Tiếp tục lưu giữ hồ sơ vụ án 01 Hợp đồng cầm cố tài sản lập ngày 04 tháng 4 năm 2025.

5. Về án phí: Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Các bị cáo Trần Ngọc S và Nguyễn Quốc S1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Các bị cáo, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ;
- CA TP. Cần Thơ (CQĐT, PV06, PC10);
- VKSND Khu vực 13 - Cần Thơ
- THADS thành phố Cần Thơ;
- CA xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Hữu Thắng